



(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)
(Issued in association with Circular 98/2020/TT-BTC on 16 November 2020 guiding operations and management of securities investment funds)

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

- 1 Công ty quản lý quỹ:**
Fund Management Company:
- 2 Ngân hàng giám sát:**
Supervising bank:
- 3 Tên Quỹ:**
Fund name:
- 4 Kỳ báo cáo:**
Reporting period:
- 5 Ngày lập báo cáo:**
Reporting Date:

CTCP Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam
Dragon Capital Vietfund Management Joint Stock Company

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN TP.HCM
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam-HCMC Branch

QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND (FUEVFVND)
DCVFMVN DIAMOND ETF (FUEVFVND)

Từ ngày 11/09/2026 đến ngày 17/09/2026
From 11 Sep 2026 to 17 Sep 2026

18/09/2026
18 Sep 2026

Đơn vị tính/Currency: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	Mã số Item No	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 17/09/2026	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 10/09/2026
A	Giá trị tài sản ròng/ Net asset value	2100		
A.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2101		
	Của quỹ/ of fund	2101.1	11,248,527,809,518	11,241,284,927,761
	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2101.2	3,408,644,790	3,416,803,929
	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2101.3	34,086.44	34,168.03
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ/ Closing balance	2102		
	Của quỹ/ of fund	2102.1	11,256,556,739,132	11,248,527,809,518
	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2102.2	3,417,291,056	3,408,644,790
	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2102.3	34,172.91	34,086.44
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó	2103		
	Change of net asset value during the period, in which			
	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của quỹ trong kỳ	2103.1	28,261,881,343	(26,827,537,538)
	Change due to investment activities during the period			
	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ trong kỳ	2103.2	(20,232,951,729)	34,070,419,295
	Change due to subscription, redemption during the period			
	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	2103.3		
	Change due to profit distribution to investors during the period			
A.4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ so với kỳ trước	2104	86.47	(81.59)
	Change of net asset value per certificate in comparison to previous period			
A.5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất	2105		
	Highest/lowest net asset value within the nearest 52 weeks			
	Giá trị cao nhất/ Highest value (VND)	2105.1	14,559,748,913,474	14,559,748,913,474
	Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2105.2	10,036,556,517,274	10,036,556,517,274
A.6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng với quỹ niêm yết)	2106		
	Foreign investors' ownership ratio (not applicable for listed fund)			
	Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of Fund Certificates	2106.1		
	Tổng giá trị/ Total value	2106.2		
	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership ratio	2106.3		
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ	2107		
	Market price (closing price of last session within the reporting day) of a certificate			
B.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2108	34,240	34,000
B.2	Giá trị cuối kỳ/ Closing balance	2109	34,100	34,240
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước	2110	(140)	240
	Change of market price during the period in comparison to previous period			
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	2111		
	Variance between market price and net asset value of one fund certificate			
	Chênh lệch tuyệt đối/ Absolute variance (VND)	2111.1	(72.91)	153.56
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+)) Relative variance (discount (-)/surplus (+))	2111.2	(0.21)%	0.45%
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất	2112		
	Highest/lowest market value within the nearest 52 weeks			
	Giá trị cao nhất/ Highest value (VND)	2112.1	40,800	40,950
	Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2112.2	31,400	31,400

Đại diện có thẩm quyền của Ngân Hàng Giám Sát
Authorized Representative of Supervisory Bank

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
CHÍNH NHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN TP.HCM
Hoàng Thị Quỳnh Hoa
Trưởng Phòng DVKHTC2

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
Authorized Representative of Fund Management Company

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

CTCP Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam
Ninh Thị Tuệ Minh
Trưởng phòng Kế toán quỹ